

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.
 - + Tên giao dịch quốc tế: Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.
 - + Tên viết tắt: QNTPJSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/08/2020.
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 (*Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 6.170.542.186.593 đồng (*Sáu nghìn một trăm bảy mươi tỷ, năm trăm bốn hai triệu, một trăm tám sáu nghìn, năm trăm chín ba đồng*), bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần và vốn khác của chủ sở hữu.
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0203)3657539.
- Số fax: (0203)3657540.
- Website: <http://www.quangninhhtpc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án;
 - + Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm:

- (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN);
- (ii) Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);
- (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA);
- (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX);
- (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA).

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh, sản xuất và bán điện;

- + Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (NMD Quảng Ninh) tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau:
 - Đồng ý đầu tư NMD Quảng Ninh với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW;
 - Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này.
- + Ngày 19/05/2004, tổ chức lễ khởi công san nền NMD Quảng Ninh;
- + Ngày 31/10/2005, tổ chức lễ ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh;
- + Ngày 02/04/2006, tổ chức lễ khởi công xây dựng Nhà máy chính NMD Quảng Ninh;
- + Ngày 16/11/2006, tổ chức lễ ký hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh 2;
- + Ngày 28/05/2007, tổ chức lễ khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh 2;
- + Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 NMD Quảng Ninh chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011;
- + Ngày 02/6/2010, TM2 NMD Quảng Ninh được hòa đồng bộ vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 10/2010 và được cấp PAC vào tháng 04/2011;
- + Ngày 01/7/2012, cả 02 TM NMD Quảng Ninh chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;

- + Ngày 13/12/2012, TM3 NMĐ Quảng Ninh 2 hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014;
- + Ngày 09/9/2013, TM4 NMĐ Quảng Ninh 2 chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014;
- + Ngày 01/6/2015, cả 02 TM NMĐ Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- + Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMĐ-QN, hợp nhất hai Hợp đồng mua bán điện NMĐ Quảng Ninh và NMĐ Quảng Ninh 2 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

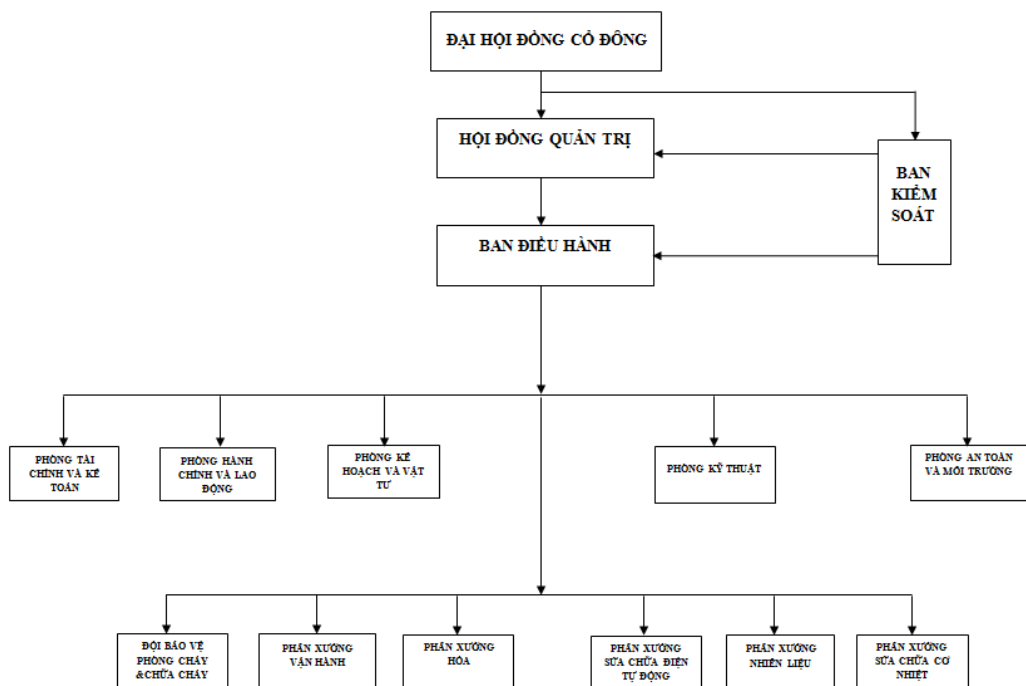
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh điện.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm có 05 Phòng, 05 Phân xưởng và 01 đội bảo vệ PCCC.

Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Đảm bảo vận hành các TM an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,501 tỷ kWh trở lên theo hợp đồng mua bán điện;
 - + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý;
 - + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ;
 - + Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty;
 - + Thích ứng an toàn, linh hoạt và hiệu quả; tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 vừa duy trì, phục hồi và phát triển SXKD; song song thực hiện lộ trình chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Bám sát thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm và kế hoạch trung hạn; đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông;
 - + Tiếp tục thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng, củng cố và nâng cao độ sẵn sàng, hiệu suất của thiết bị; giảm dần suất tiêu hao than, suất hao nhiệt;
 - + Tiếp tục kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh suất hao nhiệt tính trong phương án giá điện tác động của các nguyên nhân khách quan theo Thông tư 57/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công thương.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - + Đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu/ký hợp đồng xử lý, tiêu thụ tro xỉ và duy trì thực hiện các hợp đồng xử lý, tiêu thụ tro bay với các nhà thầu, góp phần giảm thiểu lượng tro xỉ thải lên bãi thải xỉ của Nhà máy cũng như tăng doanh thu cho Công ty;
 - + Vận hành ổn định, liên tục hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh;

- + Triển khai dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo Quy chuẩn;
- + Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- + Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương;
- + Tận dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu cũng như nguồn nhân lực lao động địa phương để phát triển sản xuất.

5. Các rủi ro

- Rủi ro từ dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài.
- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện giữa các Nhà máy và đặc biệt với sự phát triển mạnh mẽ của các nguồn năng lượng tái tạo.
- Ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến suất hao nhiệt tinh của Nhà máy.
- Rủi ro từ việc sử dụng nguồn nhiên liệu than pha trộn nhập khẩu với giá thành cao gây khó khăn trong công tác vận hành, hiệu chỉnh chế độ tối ưu của TM và tăng chi phí sản xuất.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm: Năm 2021, tình hình SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn: (i) đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo dài, ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty; (ii) suất tiêu hao than, nhiệt của Nhà máy mặc dù đã giảm hơn so với các năm trước nhưng vẫn ở mức cao hơn so với hợp đồng mua bán điện; (iii) nhiều thời điểm trong năm phụ tải Hệ thống giảm, giá thị trường không cao, phần lớn thời gian các TM chỉ được huy động vận hành tải thấp. Tuy nhiên, bằng những giải pháp đồng bộ và sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của toàn thể CBCNCV, kết thúc năm 2021 Công ty đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng, cụ thể như sau:
 - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,261 tỷ kWh, bằng 101,2% so với kế hoạch năm (*hoàn thành kế hoạch sản lượng năm trước 03 ngày*) và bằng 113,7% so với thực hiện năm 2020;
 - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,598 tỷ kWh, bằng 101,7% so với kế hoạch năm và bằng 113,4 % so với thực hiện năm 2020;
 - + Công ty đã hoàn thành công tác sửa chữa lớn các hạng mục chính của TM4 đảm bảo chất lượng với các mốc tiến độ chính.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

1	Lợi nhuận theo kế hoạch (sau thuế TNDN)	318,04	Tỷ đồng
2	Lợi nhuận thực hiện (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN)	578,01	Tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021	1.165,83	Tỷ đồng

Công ty có lợi nhuận SXKD (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN) đạt 578,01 tỷ đồng, cao hơn 259,97 tỷ đồng so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

a)	Ông Ngô Sinh Nghĩa	
*	Chức vụ hiện tại:	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	02/12/1978
*	Nơi sinh:	Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
*	Địa chỉ thường trú:	719/5, Tổ 70, khu 5, Lán Bè, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0912571155
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CCCD:	022078000653 cấp ngày 05/12/2018
*	Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điều khiển tự động
*	Quá trình công tác:	
	Từ 08/2002 - 12/2003:	Công nhân Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
	Từ 01/2004 - 02/2007:	Công nhân Nhà máy điện Uông Bí, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
	Từ 03/2007 - 10/2009:	Chuyên viên phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 11/2009 - 12/2010:	Kỹ sư Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/2011 - 14/9/2011:	Trưởng ca vận hành nhà máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 15/9/2011 - 09/2013:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

	Từ 10/2013 - 10/2014:	Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Điện-Tự động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 11/2014 - 14/6/2016:	Quản đốc Phân xưởng Điện-Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 15/6/2016 - 15/6/2020:	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/6/2020 đến nay:	Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Đại diện sở hữu: 56.698.147 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1 Sở hữu cá nhân: Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
b)	Ông Nguyễn Việt Dũng	
*	Chức vụ hiện tại:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	04/01/1968
*	Nơi sinh:	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Địa chỉ thường trú:	Khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
*	Điện thoại:	0944042068
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CMTND:	125609166 cấp ngày 02/11/2010
*	Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư công nghệ chế tạo máy - Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế
*	Quá trình công tác:	
	Từ 01/01/2008 - 31/08/2009:	Phân xưởng Lò - Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 15/07/2009 - 01/09/2009:	Tổ trưởng, Phân xưởng Lò-Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 01/09/2010 - 31/07/2012:	Phó phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty Nhiệt

		điện Uông Bí
	Từ 01/08/2012 - 31/01/2013:	Trưởng Phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 01/02/2013 - 15/04/2016:	Phó Trưởng Ban Tổng công ty, Ban Kỹ thuật-Sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1
	Từ 16/04/2016 - 16/09/2019:	Phó Giám đốc, Ban Giám đốc, Tổng công ty Phát điện 1
	Từ 16/09/2019 - 01/03/2020:	Phó Trưởng Ban Tổng công ty, Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1
	Từ 01/03/2020 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Đại diện sở hữu: 47.248.456 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1 Sở hữu cá nhân: Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
c)	Ông Lê Việt Cường	
*	Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	01/11/1979
*	Nơi sinh:	Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
*	Địa chỉ thường trú:	SN 07, Ngõ 45, Trung Nhì, Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
*	Điện thoại:	0913370971
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CMTND:	100697912 cấp ngày 22/8/2011 tại Quảng Ninh
*	Trình độ chuyên môn:	- Kỹ sư Công nghệ nhiệt - Cử nhân quản trị kinh doanh
*	Quá trình công tác:	

	Từ 02/2004 - 11/2014:	Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí
	Từ 12/2014 - 19/3/2015:	Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 20/03/2015 - 06/09/2015:	Phó Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 07/09/2015 - 06/09/2019:	Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/03/2017 - 15/11/2017:	Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/11/2017 – 24/3/2019:	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ ngày 25/3/2019 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không
d)	Ông Trần Vũ Linh	
*	Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Giới tính:	Nam
*	Ngày tháng năm sinh:	02/10/1985
*	Nơi sinh:	Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
*	Quốc tịch:	Việt Nam
*	Dân tộc:	Kinh
*	Quê quán:	Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định
*	Địa chỉ thường trú:	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
*	Điện thoại	0946751188
*	Trình độ văn hóa:	12/12
*	Số CMTND:	100842901 cấp ngày 09/12/2009 tại Quảng Ninh
*	Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Quản lý kinh tế - Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
*	Quá trình công tác:	

	Từ 12/2007 - 19/3/2015:	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 20/3/2015 - 24/4/2016:	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 25/4/2016 - 02/2017:	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 01/3/2017 - 15/11/2017:	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
	Từ 16/11/2017 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	Không
*	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
*	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương và phụ cấp
*	Số cổ phần những người có liên quan:	Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 857 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	10.507.595	8.909.692	-15,2
Doanh thu thuần (mã số 10)	9.182.385	8.570.584	-6,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (mã số 30)	1.381.770	621.198	-55,0
Lợi nhuận khác (mã số 40)	-6.925	-3.945	-43,0
Lợi nhuận trước thuế (mã số 50)	1.374.845	617.253	-55,1
Lợi nhuận sau thuế (mã số 60)	1.305.594	578.015	-55,7
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2020	2021
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn):	2,13	2,74
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn):	1,87	2,42
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,42	0,31
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,73	0,44
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (lần)	15,26	16,10
+ Vòng quay tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)	0,87	0,88
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	14,22	6,74
+ hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	21,44	9,37
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	12,43	6,49
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	15,05	7,25

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

a) Cổ phần: 450.000.000 cổ phần chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 21/02/2022

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I.	Cổ đông trong nước	9.228	447.087.700	99,353
1.	Tổ chức	27	394.872.075	87,749
2.	Cá nhân	9.201	52.215.625	11,603
II.	Cổ đông nước ngoài	21	2.912.300	0,647
1.	Tổ chức	4	2.806.500	0,624
2.	Cá nhân	17	105.800	0,024
	Tổng cộng:	9.249	450.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2021, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

- Tổng lượng than đốt là 3.523.535,84 tấn.

- Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động là 7.532,12 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.
- Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 9,41% (tương đương 683.503.608 kWh).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Suất hao nhiệt than bình quân thực hiện năm 2021 đã giảm 279,6kJ/kWh so với bình quân thực hiện năm 2020.
- Suất tiêu hao dầu bình quân thực hiện năm 2021 đã giảm 0,21g/kWh so với bình quân thực hiện năm 2020.
- Tiếp tục thực hiện chương trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy và thực hiện kế hoạch kiểm toán năng lượng theo quy định của Bộ Công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Tiếp tục chuyển đổi các thiết bị tiêu thụ điện truyền thống sang tiết kiệm năng lượng.
- Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức.
- Áp dụng các cải tiến, sáng kiến trong năm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng.
- Kết quả:
 - + Tỷ lệ điện tự dùng thực hiện bình quân năm 2021 (9,41%), thấp hơn định mức kế hoạch năm đề ra;
 - + Suất tiêu hao dầu FO thực hiện bình quân năm 2021 (1,14 g/kWh), thấp hơn định mức kế hoạch năm đề ra;
 - + Suất hao nhiệt than thực hiện bình quân năm 2021 (11.067,88 kJ/kWh), giảm 279,6kJ/kWh so với bình quân thực hiện năm 2020.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước ngọt: Công ty ký Hợp đồng mua nước với Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước ngọt sử dụng trong năm là 2.109.629 m³.

- Nước tuần hoàn: lượng nước sử dụng trong năm là 1.276.178.148 m³ được lấy từ sông Diên Vọng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Nước sau xử lý của hệ thống nước thải công nghiệp được đưa vào sử dụng tại hệ thống thải xi, tổng lượng nước tái chế là 400.830 m³, chiếm 19%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2021 là 857 người.
- Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2021 là 22,45 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn: Tổ chức các khu vực làm việc khang trang, thoáng mát; công nhân vận hành trực tiếp được bố trí làm việc tại các bốt trực đảm bảo ánh sáng và thoáng khí. Công ty đã trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của Nhà nước như: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng,... và tổ chức bộ phận chuyên trách về công tác an toàn lao động và xây dựng hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm đảm bảo cao nhất an toàn lao động.
- Chế độ bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đo, kiểm tra môi trường lao động; tổ chức cấp phát hiện vật bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm; tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi chức năng để tái tạo sức lao động theo quy định. Bộ phận y tế của Công ty luôn thường trực 24/24h để cấp thuốc, sơ cứu những rủi ro về sức khỏe người lao động. Công ty phối hợp với chính quyền địa phương đã tổ chức tiêm vắc xin mũi 3 phòng chống dịch

Covid-19 cho 100% CBCNV; song song chủ động trang bị cơ sở hạ tầng thiết yếu, tư trang phục vụ phương án cách ly, làm việc tập trung.

- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2021, Công đoàn Công ty phối hợp cùng chuyên môn Công ty đã thực hiện:

- Ủng hộ cho ngành y tế tỉnh Quảng Ninh 50 triệu đồng phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19; tặng phường Hà Khánh 500 bộ kit test nhanh Covid-19; ủng hộ xã Thống Nhất 20 triệu đồng phòng chống dịch Covid-19.
- Quyên góp ủng hộ Quỹ vắc xin với tổng số tiền 600 triệu đồng tới UBMTTQ tỉnh Quảng Ninh.
- Vận động 100% CBCNV ủng hộ 01 ngày lương để ủng hộ người lao động, tập thể đơn vị trong Tổng công ty Phát điện 1 bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 với số tiền 309,49 triệu đồng; Vận động quyên góp ủng hộ Quỹ tương trợ xã hội EVN năm 2021 với số tiền 158,96 triệu đồng.
- Tiếp tục tham gia thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn như thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng, gia đình neo đơn, khó khăn, các cháu thiếu nhi nhân dịp các ngày lễ, tết.
- CBCNV, đoàn viên Công ty tích cực tham gia hưởng ứng chương trình Tuần lễ hồng do EVN phát động; chương trình hiến máu tình nguyện tại địa phương với kết quả gần 300 đơn vị máu.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2021

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2021	TH năm 2021	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tỷ kWh	7,172	7,261	101,2
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tỷ kWh	6,489	6,599	101,7
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.322,718	8.655,489	104,0
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	7.987,935	8.038,236	100,6
7	Tổng lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	334,783	617,253	184,4
8	Tổng lợi nhuận (sau thuế)	Tỷ đồng	318,044	578,015	181,7
9	Cố tức	Tỷ đồng			

Với không ít khó khăn thách thức trong năm 2021; tuy nhiên Công ty đã cơ bản đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật so với mục tiêu Kế hoạch đề ra; trừ suất hao nhiệt mặc dù vẫn cao hơn phương án giá điện song đã giảm hơn so với năm 2020. Để có được kết quả này, Công ty đã thực hiện các biện pháp:

- Đề ra các chương trình, mục tiêu hoạt động ngay từ đầu năm.
- Thực hiện các giải pháp để tiến hành công tác sửa chữa lớn TM4 đảm bảo chất lượng theo các mốc tiến độ chính; Chú trọng, tăng cường công tác quản lý, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất các TM về định mức.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất; nâng cao năng suất lao động.
- Chủ động và linh hoạt trong tham gia Thị trường điện phát điện cạnh tranh.
- Nâng cao năng lực và hiệu quả, hiệu lực công tác điều hành; thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật tối ưu; đổi mới cơ chế tiền lương gắn liền với vị trí lao động, năng suất lao động.
- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2020	2021	% biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.269.113	3.639.291	-14,8
Tiền và tương đương tiền	836.398	205.807	-75,4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	501.500	951.500	89,7
Phải thu khách hàng	2.226.684	2.037.330	-8,5
Trả trước cho người bán	667	679	1,8

Nội dung	2020	2021	% biến động
Các khoản phải thu khác	200.649	206.077	2,7
Dự phòng phải thu khó đòi	(23.153)	(188.986)	716,2
Hàng tồn kho	515.542	426.409	-17,3
Tài sản lưu động khác	10.825	475	-95,6
TAI SẢN DÀI HẠN	6.238.482	5.270.401	-15,5
Phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	6.160.755	5.195.497	-15,7
Đầu tư tài chính dài hạn			
XDCB dở dang	5.782	5.084	-12,1
Tài sản dài hạn khác	71.945	69.820	-3,0
TỔNG TÀI SẢN	10.507.595	8.909.692	-15,2

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 8.909.692 triệu đồng, giảm 15,2% so với thời điểm 31/12/2020.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là 3.639.291 triệu đồng, giảm 14,8% so với thời điểm ngày 31/12/2020, chủ yếu do khoản mục tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho lần lượt giảm 75,4%, 8,5%, 17,3%; Dự phòng phải thu khó đòi tăng 716,2%.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2020	2021	% biến động
NỢ PHẢI TRẢ	4.418.963	2.739.150	-38,0
Nợ ngắn hạn	2.005.409	1.329.379	-33,7
Phải trả người bán	487.507	437.002	-10,4
Người mua trả tiền trước	0	0,24	
Vay và nợ ngắn hạn	1.336.050	749.692	-43,9
Thuê phải nộp	40.610	3.938	-90,3
Phải trả người lao động	82.349	87.452	6,2
Chi phí phải trả	39.567	18.333	-53,7
Các khoản phải trả khác	1.818	2.525	38,9
Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.508	30.436	73,8
Nợ dài hạn	2.413.554	1.409.771	-41,6
Vay và nợ dài hạn	2.413.554	1.409.771	-41,6

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2021 của Công ty giảm 38,0% tương đương 1.679.813 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2020, trong đó khoản mục nợ dài hạn giảm 41,6% và khoản mục nợ ngắn hạn giảm 33,7%. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2021 Công ty thực hiện tốt công tác cân đối dòng tiền trả nợ gốc vay và thanh toán các khoản công nợ phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự quản lý, sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu SXKD, gọn nhẹ và năng động hơn.

Công ty tiếp tục cập nhật các thông tin bổ sung, xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, lưu đồ giải quyết công việc cho phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức; từng bước thay thế các thiết bị có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn.

Hoàn thành công tác sửa chữa lớn TM theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo chất lượng đề ra.

Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, luân chuyển các vị trí chức danh, tiếp tục chú trọng công tác đào tạo cán bộ, hướng tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững.

Kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận điều chỉnh suất hao nhiệt trong Hợp đồng mua bán điện do ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan.

Áp dụng chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quản lý điều hành và sản xuất.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Trong năm, Công ty luôn luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép.
- Các thông số môi trường của Nhà máy được cơ quan quản lý nhà nước (Sở TNMT) quan trắc, giám sát tự động.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật.
- Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ người lao động cả về vật chất, tinh thần; cơ chế thưởng, phạt công khai, minh bạch đã góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương:

- Trong năm 2021, Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện nghĩa vụ với cộng đồng địa phương và các hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HDQT) về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HDQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về sản xuất kinh doanh:
 - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,261 tỷ kWh, bằng 101,2% so với kế hoạch năm (hoàn thành kế hoạch sản lượng năm trước 03 ngày) và bằng 113,7% so với thực hiện năm 2020;
 - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,598 tỷ kWh, bằng 101,7% so với kế hoạch năm và bằng 113,4 % so với thực hiện năm 2020;
 - + Công ty đã hoàn thành công tác sửa chữa lớn các hạng mục chính của TM4 đảm bảo chất lượng với các mốc tiến độ chính.
- Về công tác Thị trường điện: Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong năm 2021. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.
- Về công tác tài chính: Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD; trong năm không phát sinh vay lưu động.
- Về việc quyết toán các dự án hoàn thành:
 - + NMD Quảng Ninh 1: Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán dự án hoàn thành;
 - + NMD Quảng Ninh 2: Công ty đã hoàn thành phê duyệt kết quả đàm phán và giá trị quyết toán Hợp đồng EPC để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Trong năm, Công ty tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định quản trị nội bộ, tạo hành lang pháp lý, định hướng các hoạt động của Công ty theo hướng khoa học, hợp lý bám sát các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đánh giá của HDQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Theo định hướng của HDQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản thấp hơn kế hoạch/phương án giá điện. Các TM đã vận hành ổn định, tin cậy hơn và chủ động linh hoạt tham gia thị trường phát điện. Kết thúc năm 2021, các chỉ tiêu SXKD đạt so với mục

tiêu kế hoạch năm; suất tiêu hao than, suất hao nhiệt đã giảm hơn so với năm 2020.

- Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty đã thực thi kỷ luật nghiêm khắc và quyết liệt, đồng bộ hơn rất nhiều. Các chế độ thưởng phạt đã gắn liền với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.

3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

- Trên cơ sở Nghị quyết số 33/NQ-NĐQN ngày 06/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; HĐQT đã ban hành Quyết định 573/QĐ-NĐQN ngày 06/5/2021 phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Công ty.
- HĐQT tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của Ban kiểm soát và các Đoàn thanh, kiểm tra. Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tuần với Ban điều hành cũng như làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện.
- Trong năm 2021, tiếp tục rà soát, cập nhật sửa đổi, bổ sung và số hóa các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18,9% (ngày chốt danh sách sở hữu 21/02/2022)
2.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	+ Thành viên HĐQT; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu

		quyết: 12,6% (ngày chốt danh sách sở hữu 21/02/2022)
3.	Ông Nguyễn Việt Dũng	+ Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,5% (ngày chốt danh sách sở hữu 21/02/2022)
4.	Ông Nguyễn Quang Huy	+ Thành viên HĐQT + Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16,4% (ngày chốt danh sách sở hữu 21/02/2022)
5.	Ông Đặng Huy Vũ	+ Thành viên HĐQT + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6% (ngày chốt danh sách sở hữu 21/02/2022)
6.	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	+ Thành viên HĐQT + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,4% (ngày chốt danh sách sở hữu 21/02/2022)
7.	Ông Quách Vĩnh Bình	+ Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 06/5/2021

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2021, HĐQT QTP đã tổ chức 07 phiên họp và đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
2	02/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết về phê duyệt quỹ lương người lao động
3	03/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 01 năm 2021
4	04/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết về phê duyệt xử lý tình huống trong báo cáo quyết toán vốn
5	05/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
6	06/NQ-HĐQT	05/01/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
7	07/NQ-HĐQT	28/01/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 02 năm 2021
8	08/NQ-HĐQT	05/02/2021	Nghị quyết về các nội dung liên quan đến SXKD
9	09/NQ-HĐQT	24/02/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
10	10/NQ-HĐQT	04/3/2021	Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
11	11/NQ-HĐQT	05/3/2021	Nghị quyết về phê duyệt quyết toán SCL năm 2019
12	12/NQ-HĐQT	24/3/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt bổ nhiệm lại cán bộ
13	13/NQ-HĐQT	29/3/2021	Nghị quyết về phê duyệt chi thưởng từ quỹ thưởng ATĐ
14	14/NQ-HĐQT	30/3/2021	Nghị quyết về phê duyệt các PA xử lý các gói thầu Dự án nâng cấp hệ thống khí thải
15	15/NQ-HĐQT	30/3/2021	Nghị quyết về phê duyệt các hợp đồng bảo hiểm
16	16/NQ-HĐQT	30/3/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 03 năm 2021
17	17/NQ-HĐQT	08/4/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 04 năm 2021
18	18/NQ-HĐQT	12/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
19	19/NQ-HĐQT	12/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
20	20/NQ-HĐQT	14/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
21	21/NQ-HĐQT	14/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
22	22/NQ-HĐQT	14/4/2021	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông
23	23/NQ-HĐQT	14/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
24	24/NQ-HĐQT	12/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
25	25/NQ-HĐQT	14/5/2021	Nghị quyết về việc thay đổi thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông
26	26/NQ-HĐQT	19/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
27	27/NQ-HĐQT	19/4/2021	Nghị quyết về kế hoạch luân chuyển đào tạo
28	28/NQ-HĐQT	19/4/2021	Nghị quyết về phê duyệt danh sách cán bộ giai đoạn 2021-2026
29	29/NQ-HĐQT	19/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
30	30/NQ-HĐQT	24/4/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
31	31/NQ-HĐQT	06/5/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
32	32/NQ-HĐQT	06/5/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
34	34/NQ-HĐQT	23/5/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
35	35/NQ-HĐQT	23/5/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
36	36/NQ-HĐQT	23/5/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
37	37/NQ-HĐQT	01/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
38	38/NQ-HĐQT	01/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
39	39/NQ-HĐQT	01/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
40	40/NQ-HĐQT	05/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
41	41/NQ-HĐQT	05/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
42	42/NQ-HĐQT	07/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
43	43/NQ-HĐQT	09/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
44	44/NQ-HĐQT	09/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
45	45/NQ-HĐQT	09/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
47	47/NQ-HĐQT	16/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
48	48/NQ-HĐQT	16/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
49	49/NQ-HĐQT	22/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
50	50/NQ-HĐQT	22/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
51	51/NQ-HĐQT	22/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
52	52/NQ-HĐQT	25/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
53	53/NQ-HĐQT	25/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
54	54/NQ-HĐQT	25/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
55	55/NQ-HĐQT	25/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
56	56/NQ-HĐQT	30/6/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 05 năm 2021
57	57/NQ-HĐQT	30/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
58	58/NQ-HĐQT	30/6/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
59	59/NQ-HĐQT	05/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
60	60/NQ-HĐQT	05/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
61	61/NQ-HĐQT	07/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
62	62/NQ-HĐQT	10/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
63	63/NQ-HĐQT	10/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
64	64/NQ-HĐQT	10/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
65	65/NQ-HĐQT	10/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
66	66/NQ-HĐQT	25/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
67	67/NQ-HĐQT	25/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
68	68/NQ-HĐQT	25/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
69	69/NQ-HĐQT	26/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
70	70/NQ-HĐQT	30/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
71	71/NQ-HĐQT	30/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
72	72/NQ-HĐQT	30/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
73	73/NQ-HĐQT	30/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
74	74/NQ-HĐQT	30/7/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
75	75/NQ-HĐQT	02/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
76	76/NQ-HĐQT	02/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
77	77/NQ-HĐQT	02/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
78	78/NQ-HĐQT	03/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
79	79/NQ-HĐQT	03/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
80	80/NQ-HĐQT	06/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
81	81/NQ-HĐQT	06/8/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 06 năm 2021
82	82/NQ-HĐQT	19/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
83	83/NQ-HĐQT	19/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
84	84/NQ-HĐQT	24/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
85	85/NQ-HĐQT	25/8/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
86	86/NQ-HĐQT	08/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
87	87/NQ-HĐQT	11/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
88	88/NQ-HĐQT	13/9/2021	Nghị quyết về thông qua chi trả cổ tức năm 2020
89	89/NQ-HĐQT	21/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
90	90/NQ-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết về phê duyệt chế độ phòng chống dịch

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Covid
91	91/NQ-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
92	92/NQ-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
93	93/NQ-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
94	94/NQ-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
95	95/NQ-HĐQT	04/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
96	96/NQ-HĐQT	06/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
97	97/NQ-HĐQT	11/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
98	98/NQ-HĐQT	11/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
99	99/NQ-HĐQT	11/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
100	100/NQ-HĐQT	11/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
101	101/NQ-HĐQT	15/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
102	102/NQ-HĐQT	15/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
103	103/NQ-HĐQT	15/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
104	104/NQ-HĐQT	15/10/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
105	105/NQ-HĐQT	21/10/2021	Nghị quyết về phê duyệt chủ trương triển khai các bước đầu tư Dự án nâng cấp cải tạo khí thải
106	106/NQ-HĐQT	15/11/2021	Nghị quyết về thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ quản lý
107	107/NQ-HĐQT	16/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
108	108/NQ-HĐQT	17/11/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh Hợp đồng mua bán than năm 2021
109	109/NQ-HĐQT	17/11/2021	Nghị quyết về áp dụng quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí SXKD trong EVN tại QTP
110	110/NQ-HĐQT	22/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
111	111/NQ-HĐQT	22/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
112	112/NQ-HĐQT	22/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
113	113/NQ-HĐQT	22/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
114	114/NQ-HĐQT	22/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
115	115/NQ-HĐQT	23/11/2021	Nghị quyết về miễn nhiệm chức danh CBQL
116	116/NQ-HĐQT	24/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
117	117/NQ-HĐQT	28/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
118	118/NQ-HĐQT	28/11/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
119	119/NQ-HĐQT	28/11/2021	Nghị quyết về phê duyệt bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trong Công ty
120	120/NQ-HĐQT	13/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
121	121/NQ-HĐQT	13/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
122	122/NQ-HĐQT	17/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
123	123/NQ-HĐQT	20/12/2021	Nghị quyết về phê duyệt giao thực hiện chức trách nhiệm vụ TP HCLĐ
124	124/NQ-HĐQT	20/12/2021	Nghị quyết họp HĐQT phiên 07 năm 2021
125	125/NQ-HĐQT	21/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
126	126/NQ-HĐQT	23/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
127	127/NQ-HĐQT	27/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
128	128/NQ-HĐQT	27/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
129	129/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
130	130/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
131	131/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về phê duyệt quy chế quản lý tài sản và

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			nguồn vốn trong Công ty
132	132/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu
133	133/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về phê duyệt nội dung Hợp đồng mua bán than năm 2022 với các nhà cung cấp
134	134/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về phê duyệt phê duyệt kết quả đàm phán quyết toán, giá trị quyết toán hợp đồng EPC và quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh
135	135/NQ-HĐQT	31/12/2021	Nghị quyết về phê duyệt kết quả đàm phán và giá trị quyết toán Hợp đồng EPC Dự án QN 2

Các cuộc họp của HĐQT QTP đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên trong năm 2021, Công ty chưa triển khai được các khóa đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1.	Ông Phan Duy An	+ Trưởng BKS từ ngày 06/5/2021 + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
2.	Ông Nguyễn Đăng Dung	+ Thành viên BKS, kiêm nhiệm thực hiện chức trách nhiệm vụ của Trưởng BKS đến ngày 06/5/2021 + Thôi làm thành viên BKS từ ngày 06/5/2021 + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
3.	Ông Ngô Văn Điện	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
4.	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
5.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

6.	Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm	+ Thành viên BKS + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
----	---------------------------------	--

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát QTP đã tổ chức họp 02 kỳ (kỳ ngày 06/5/2021 và kỳ ngày 09/11/2021).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2021:

1.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	863.134.927	VND
2.	Ông Trần Việt Anh	10.000.000	VND
3.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	998.104.893	VND
4.	Ông Nguyễn Việt Dũng	862.494.331	VND
5.	Ông Lê Việt Cường	712.220.964	VND
6.	Ông Nguyễn Quang Huy	150.800.000	VND
7.	Ông Quách Vĩnh Bình	78.060.645	VND
8.	Ông Đặng Huy Vũ	150.800.000	VND
9.	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	150.800.000	VND
10.	Ông Phan Duy An	107.406.452	VND
11.	Ông Nguyễn Đăng Dung	176.414.235	VND
12.	Ông Ngô Văn Điện	141.200.000	VND
13.	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	141.200.000	VND
14.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	141.200.000	VND
15.	Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm	141.200.000	VND

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Phụ lục chi tiết đính kèm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch với cổ đông nội bộ có liên quan năm 2021:

+ Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- Mua điện: 28,478 tỷ đồng;
- Chi phí lãi vay: 133,453 tỷ đồng;

- Giao dịch với Tổng công ty Phát điện 1: Chi trả chia cổ tức: 188,994 tỷ đồng;
- Giao dịch với Công ty Mua bán điện: Doanh thu bán điện: 8.560,076 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty (*chi tiết kèm theo*) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Sinh Nghĩa

Phụ lục
GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ

Mã CP	Tổ chức /người giao dịch	Chức vụ	Người liên quan		SLCP trước GD	Đăng ký				Kết quả			SLCP sau GD	Tỷ lệ %	Ghi chú
			Tên	Chức vụ		Mua	Bán	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mua	Bán	Ngày thực hiện			
QTP	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT			0	10.000		15/12/2021	17/12/2021	10.000		13/12/2021	10.000	0,00	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				12.585.353		5.000.000	19/03/2021	15/04/2021		5.000.000	05/04/2021	7.585.353	1,69	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				17.585.353		5.000.000	12/03/2021	08/04/2021		5.000.000	12/03/2021	12.585.353	2,80	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				29.585.353		12.000.000	25/02/2021	24/03/2021		12.000.000	25/02/2021	17.585.353	3,91	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				34.585.353		5.000.000	21/01/2021	18/02/2021		5.000.000	17/02/2021	29.585.353	6,57	
QTP	Nguyễn Đăng Dung	Thành viên BKS			50.000		50.000	19/01/2021	17/02/2021		50.000	22/01/2021		0,00	